ĐỀ KIỂM TRA KHẨU NGỮ
MÔN TIẾNG TRUNG 11

题 1: Đọc nghĩa tiếng Trung của những từ sau

1. Tham quan
2. Áo phông
3. Tổ chức
4. Năm ngoái
5. Thức dậy
6. Bữa tối

题 2: Đọc lại những câu sau đây

wǒ měi tiān zǎo shang liù diǎn bàn qǐ chuáng
1. 我每天早上六点半起床

wǒ men qí zì xíng chē qù xué xiào
2. 我们骑自行车去学校

LIVEWORKSHEETS

zhè jiàn yī fu hěn hǎo kàn
3. 这件衣服很好看

wǒ de shēng rì shì yuè hào
4. 我的生日是 9 月 28 号

zhè tiáo kù zi jià gé shì
5. 这条裤子价格是 98.5 元

题 3： Đặt câu hỏi cho phần được gạch chân:

_____?	xiàn zài sān diǎn bàn 现在三点半。
_____?	jīn tiān shì yuè hào 今天是 10月16号。
_____?	wǒ zuò gōng gòng qì chē qù shū diàn 我 坐公共汽车 去书店。
_____?	wǒ jīn nián suì 我今年16岁。
_____?	wǒ mā mā shǔ mǎ 我妈妈 属 马。

LIVEWORKSHEETS